TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 164 /2025/HNGĐ-ST
Ngày: 25 - 9 - 2025
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Viết Hải
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Xuân Mâu và ông Nguyễn Đức Lý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tú Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Minh Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở. Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm thụ lý số 233/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2024, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn Chị Ngô Thị H, sinh ngày 18/10/1990; CCCD số: 044190003435, cấp ngày 27/06/2021; nơi cư trú: thôn N, xã N, huyện B, tỉnh Quảng Bình (Nay xã N, tỉnh Quảng Trị), có mặt;

Bị đơn: Anh Phạm Văn C, sinh ngày 10/12/1984; CCCD số: 044084003527, cấp ngày 26/7/2019; nơi cư trú trước khi xuất cảnh: thôn N, xã N, huyện B, tỉnh Quảng Bình (Nay xã N, tỉnh Quảng Trị). Hiện cư trú tại: Số 305-2 TREE SPARROWAY, T, M2H3B7, CANADA, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Ngô Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị H và anh Phạm Văn C có quá trình tìm hiểu và tự nguyện đến Ủy ban nhân dân xã N, huyện B, tỉnh Quảng Bình (nay xã N, tỉnh Quảng Trị) đăng ký kết hôn vào ngày 23/10/2017. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với bố mẹ anh C. Do điều kiện kinh tế gia đình khó khăn, năm 2022 vợ chồng bàn bạc cho anh C đi xuất khẩu lao động tại Canada. Thời gian đầu qua nước ngoài, anh C vẫn gọi điện thoại về hỏi thăm vợ con. Đến đầu năm 2023 anh C ít liên lạc về cho gia đình, vợ chồng có liên lạc cũng chỉ xảy ra cãi vã, mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng sống xa nhau thiếu sự quan tâm, tin tưởng nên xảy ra cãi vã xúc phạm nhau, mặc dù hai bên gia đình nội ngoại có

khuyên bảo nhưng vợ chồng vẫn kiên quyết ly hôn. Chị H đã thông báo cho anh C việc chị làm đơn ly hôn và anh C cũng đồng ý và nhắn địa chỉ của anh cho chị. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, nên chị H xin được ly hôn anh Phạm Văn C.

Về con chung: Chị Ngô Thị H trình bày vợ chồng có 02 con chung cháu Phạm Nhật A, sinh ngày 25/01/2018 và cháu Phạm Ý L, sinh ngày 01/12/2020. Hiện nay các cháu đang sinh sống với chị H, sau khi ly hôn chị H có nguyện vọng giao cháu Nhật A cho anh C chăm sóc, nuôi dưỡng; còn cháu L chị H xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Vì anh C hiện nay đang ở nước ngoài nên chị H sẽ nuôi cháu Nhật Anh đến khi nào anh C về Việt Nam thì sẽ giao cháu Nhật A lại cho anh C chăm sóc, nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị Ngô Thị H trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Văn C: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã có văn bản số 4272/CV-TAND ngày 31/12/2024 gửi cơ quan có thẩm quyền Đại sứ quán Việt Nam tại Canada thực hiện việc tống đạt, thông báo văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Phạm Văn C, nhưng không có kết quả. Tại Bản tự khai đề ngày 20/7/2025 của anh Phạm Văn C gửi từ Canada về cho Tòa án. Anh C xác nhận các lời khai của chị H về quan hệ hôn nhân, con chung và tài sản chung giữa vợ chồng anh chị là hoàn toàn đúng sự thật. Do điều kiện kinh tế gia đình khó khăn, năm 2022 vợ chồng bàn bạc để anh C đi xuất khẩu lao động tại Canada. Quá trình chung sống vợ chồng cũng đã có mâu thuẫn. Anh C và chị H có liên lạc với nhau cũng chỉ xảy ra cãi vã về kinh tế, tình cảm, vợ chồng sống không hòa hợp, nên khi vợ chồng xa nhau không có sự cảm thông chia sẽ, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, vợ chồng ngày xa cách. Hiện tại mỗi người ở một nơi nên vợ chồng nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân của hai người không đạt được, chị H làm đơn ly hôn thì anh C cũng đồng ý. Về con chung: Anh Phạm Văn C cũng thống nhất trình bày như chị H tại Tòa án, vợ chồng có 02 con chung cháu Phạm Nhật Anh, sinh ngày 25/01/2018 và cháu Phạm Ý Linh, sinh ngày 01/12/2020. Hiện tại các cháu đang sinh sống cùng với chị H. Sau khi ly hôn chị H có nguyện vọng để cháu Nhật Anh cho anh được chăm sóc, nuôi dưỡng, còn cháu Ý Linh do chị H chăm sóc, nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con, thì anh C cũng đồng ý. Nhưng hiện nay anh đang ở nước ngoài nên tạm giao cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nhật Anh, khi nào có điều kiện anh sẽ làm thủ tục đón cháu qua nước ngoài ở với anh. Về tài sản chung: Anh C cũng thống nhất trình bày vợ chồng không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì điều kiện nên anh không thể về Việt Nam để tham gia phiên tòa được, anh Phạm Văn C đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh.

Theo yêu cầu của chị Ngô Thị H, ngày 28/7/2025 Tòa án tỉnh Quảng Trị đã ra Quyết định số: 227/QĐ-TCGĐ trưng cầu giám định đối với chữ viết, chữ ký đứng tên Phạm Văn C trên Bản tự khai đề ngày 20/7/2025 của anh C gửi về. Tại kết luận giám định số 889/KL-KTHS ngày 04/8/2025 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Quảng Trị, xác định chữ ký và chữ viết trên Bản tự khai lập ngày 20/7/2025 anh Phạm Văn C gửi về là do chính anh Phạm Văn C ký và viết ra.

Ý kiến của con: Tại đơn trình bày nguyện vọng ngày 04/12/2024 cháu Phạm Nhật Anh trình bày cháu Nhật Anh xin được ở với bố.

Ý kiến của người thân bị đơn: Tại đơn trình bày ngày 31/12/2024 của bà Nguyễn Thị T mẹ anh C, bà T cho biết anh C và chị H kết hôn năm 2017, vợ chồng mâu thuẫn gì dẫn đến việc chị H làm đơn xin ly hôn anh C thì bà không biết. Việc các con ly hôn, nuôi cháu do vợ chồng quyết định bà không có ý kiến gì. Mọi văn bản của Tòa án bà đã thông báo cho anh C biết.

Tại phiên tòa sơ thẩm chị Ngô Thị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn anh Phạm Văn C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Việc thu thập chứng cứ đúng quy định, đảm bảo quyền lợi của các đương sự. Tại phiên tòa bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228 và điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Ngô Thị H, xử cho chị H được ly hôn anh Phạm Văn C; về con chung: Giao cháu Phạm Nhật Anh, sinh ngày 25/01/2018 cho anh C chăm sóc, nuôi dưỡng và giao cháu Phạm Ý Linh, sinh ngày 01/12/2020 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Về tài sản chung: đương sự không yêu cầu, nên không xem xét. Đương sự phải chịu án phí và chi phí tố tụng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của nguyên đơn, đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Chị Ngô Thị H có đơn yêu cầu xin ly hôn anh Phạm Văn C đang làm ăn, sinh sống tại nước ngoài, theo thông tin cung cấp của Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh thì anh C đã xuất nhập cảnh nhiều lần, lần gần nhất xuất cảnh ngày 07/04/2022, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về Việt Nam. Đây là vụ án có bị đơn là Công dân Việt Nam đang cư trú và làm việc tại nước ngoài. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh thụ lý giải quyết vụ án là phù hợp theo quy định tại khoản khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 38; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm d khoản 1 Điều 469 Bộ luật tố tụng dân sự và các Điều 123, 127 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn theo địa chỉ nguyên đơn cung cấp, theo phương thức tống đạt đến cơ quan Đại sứ quán Việt Nam tại Canada và tiến hành niêm yết, tống đạt các văn bản tố tụng cho anh Phạm Văn C tại nơi cư trú trước khi xuất cảnh và người thân của anh C. Ngày 25/7/2025, Tòa án nhận được Bản tự khai của anh Phạm Văn C trình bày ý kiến của anh đối với yêu cầu của chị H và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Tại kết luận giám định số 889/KL-KTHS ngày 04/8/2025 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh, xác định chữ ký và chữ viết trên Bản tự khai lập ngày 20/7/2025 anh Phạm Văn C gửi về cho Tòa án là do chính anh Phạm Văn C ký và viết ra. Vì

vậy, căn cứ Điều 228, điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh C.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị H và anh Phạm Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện B, tỉnh Quảng Bình (nay là xã N, tỉnh Quảng Trị) vào ngày 23/10/2017. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh C là hợp pháp. Do điều kiện kinh tế gia đình khó khăn, nên vợ chồng bàn bạc để anh Phạm Văn C ra nước ngoài làm việc nhằm tăng thêm thu nhập, cải thiện điều kiện kinh tế gia đình. Tháng 04/2022 anh C xuất khẩu lao động tại Canada từ đó đến nay không về. Thời gian đầu mới sang làm việc ở nước ngoài, anh C vẫn thường xuyên liên lạc, thăm hỏi và quan tâm đến vợ con. Đến năm 2023 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không hòa hợp, không cùng quan điểm sống, thiếu sự tin tưởng, tôn trọng nhau, dẫn đến vợ chồng không có sự thông cảm, quan tâm, chia sẽ lẫn nhau. Từ đó vợ chồng xảy ra cải vã, xúc phạm nhau căng thẳng, làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Hiện tại cả chị H và anh C đều khẳng định mẫu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng thực sự không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên không thể kéo dài. Do đó, chị H làm đơn yêu cầu giải quyết ly hôn và anh C cũng nhất trí. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, đời sống chung thực tế không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và yêu cầu của chị Ngô Thị H xin ly hôn anh Phạm Văn C là phù hợp với điều kiện thực tế của các bên, phù hợp với quy định tại các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Xét ý kiến, yêu cầu của chị H, anh C và con chung thấy. Các con chung hiện nay đang sinh sống, học tập cùng chị H kể từ khi anh C sang làm ăn, sinh sống ở nước ngoài. Chị H, anh C thỏa thuận sau khi ly hôn giao cháu Nhật A cho anh C chăm sóc, nuôi dưỡng và giao cháu L cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng không bên nào đóng góp tiền nuôi con chung cho bên nào. Tuy nhiên, hiện nay, anh C đang làm ăn, sinh sống ở nước ngoài chưa biết khi nào về nước, nên chị H và anh C thỏa thuận tạm giao cháu Nhật A cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi nào anh C về Việt Nam thì sẽ giao cháu Nhật A lại cho anh C. Vì vậy, HĐXX thấy cần chấp nhận ý kiến, yêu cầu của chị H, anh C và cháu Nhật A. Giao cháu Nhật A cho anh C chăm sóc, nuôi dưỡng và giao cháu Ý Linh cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm giao cháu Nhật A cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi nào anh C về Việt Nam. Không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho bên nào.

[4] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Chị Ngô Thị H và anh Phạm Văn C đều trình bày không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí, chi phí tố tụng: Chị Ngô Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo luật định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 38; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153; Điều 161; các Điều 228, 469, 474, 475, điểm a khoản 5 Điều 477, Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 123, 127 Luật hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Ngô Thị H được ly hôn anh Phạm Văn C. Hôn nhân của chị Ngô Thị H và anh Phạm Văn C chấm dứt kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao cháu Phạm Nhật A, sinh ngày 25/01/2018 cho anh Phạm Văn C được chăm sóc, nuôi dưỡng và giao cháu Phạm Ý L, sinh ngày 01/12/2020 cho chị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm giao cháu Nhật A cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi nào anh Phạm Văn C về Việt Nam. Không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi chung con cho bên nào.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Hoặc nhận thấy người trực tiếp nuôi con không đủ điều kiện bảo đảm quyền, lợi ích của con thì người không trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Ngô Thị H phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 300.000 tạm ứng án phí chị H đã nộp tại biên lai số 0005167 ngày 21/11/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị). Chị H đã nộp đủ án phí.

5. Chi phí tố tụng: Chị Ngô Thị H phải chịu 6.633.500 đồng tiền chi phí tố tụng (bao gồm 1.121.000 đồng tiền chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài và 5.512.500 đồng tiền chi phí giám định). Chị H đã nộp và chi phí hết.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn chị Ngô Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Phạm Văn C vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- Các đương sự;
- UBND xã N, tỉnh Quảng Trị;
- Lưu hồ sơ; Tòa DS;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Dương Viết Hải